

Số: 69/2024/QĐST-VHNGĐ

Phổ Yên, ngày 30 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỐ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ vào Điều 211, Điều 212, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân & gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 77/2024/TLST-VHNGĐ, ngày 18 tháng 9 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận về nuôi con” giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Phạm Văn T, sinh năm 2001;

Địa chỉ: Xóm T, xã T, T.P P, tỉnh Thái Nguyên.

- Chị Lê Thị T1, sinh năm 2002;

Địa chỉ: Xóm T, xã T, T.P P, tỉnh Thái Nguyên;

Chỗ ở hiện nay: Xóm A Đ, xã M, T.P P, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Lê Thị T1 kết hôn tự nguyện vào năm 2022, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi kết hôn anh T và chị T1 chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng. Anh chị cũng đã cố gắng để cải thiện tình trạng hôn nhân nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, anh chị đã ly thân từ tháng 5/2024 cho đến nay. Anh T và chị T1 đều xác định không còn tình cảm với nhau nữa nên đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận của các đương sự ngày 20 tháng 9 năm 2024 là thực sự tự nguyện, cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Phạm Văn T và chị Lê Thị T1 xác định quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Phạm Tuấn V, sinh ngày 30/11/2022. Anh

chị thoả thuận khi ly hôn, giao cháu V cho mẹ là chị Lê Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, khoản cho vay chung: Không có.

[4] Về vấn đề khác: Không có.

[5] Về lệ phí: Anh Phạm Văn T và chị Lê Thị T1 thoả thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự mà không có đương sự nào ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Phạm Văn T và chị Lê Thị T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đều thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh Phạm Văn T và chị Lê Thị T1 xác định quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Phạm Tuấn V, sinh ngày 30/11/2022. Anh T và chị T1 thoả thuận:

Giao con chung Phạm Tuấn V, sinh ngày 30/11/2022 cho chị Lê Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phạm Văn T cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung, khoản cho vay chung:* Không có.

- *Về vấn đề khác:* Không có.

2. Về lệ phí: Anh Phạm Văn T và chị Lê Thị T1 thoả thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số **0001850** ngày 18/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- THADS thành phố Phổ Yên;
- UBND xã Thành Công;
(ĐKKH số 46 ngày 04/4/2022);
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Tạ Thị Dung